

**PHỤ LỤC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TĐHYKPNT ngày tháng năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

**A. BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC****1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

- 1.1. Trình độ đào tạo : Đại học  
1.2. Ngành đào tạo : Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê Hồi sức  
(Nursing Anesthesia Orientation)  
1.3. Hình thức đào tạo : Chính quy  
1.4. Ngôn ngữ đào tạo : Tiếng Việt  
1.5. Mã ngành : 7720301  
1.6. Thời gian đào tạo : 04 năm  
1.7. Văn bằng tốt nghiệp : Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê Hồi sức  
Bachelor of Science in Nursing (Anesthesia Orientation)  
1.8. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 132 tín chỉ  
1.9. Chuẩn đầu vào : tốt nghiệp THPT và theo quy định của đề án tuyển sinh  
hàng năm của Trường  
1.10. Chương trình đào tạo : Định hướng nghề nghiệp

**2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO****2.1. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch**

Giáo dục toàn diện - Hướng về cộng đồng - Lấy người học làm trung tâm.

**2.2. Sứ mạng, tầm nhìn của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch**

**Sứ mạng:** Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng.

**Tầm nhìn:** Phát triển thành một trong những đại học khoa học sức khỏe hàng đầu trong cả nước, hội nhập quốc tế.

**2.3. Chiến lược của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch**

Nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển các chương trình đào tạo đạt chuẩn trong nước và chuẩn quốc tế. Tăng cường tiếng Anh trong đào tạo. Tăng cường chất lượng nghiên cứu khoa học, số lượng các bài đăng quốc tế, nguồn kinh phí cho nghiên cứu khoa học; định kỳ tổ chức các hội nghị khoa học trong nước và quốc tế. Xây dựng mô hình Viện-Trường, với cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị đạt mức hiện đại, đáp ứng công nghệ mới.

## 2.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê Hồi sức là chương trình đào tạo có định hướng nghề nghiệp, có mục tiêu là đào tạo Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê Hồi sức có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có năng lực chuyên môn, nghiên cứu khoa học, hội nhập quốc tế, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

## 3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

<b>PLO 1</b>	<b>Vận dụng những nội dung cơ bản của Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa Xã hội Khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.</b>
	PI 1.1. Giải thích được những nội dung cơ bản của Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
	PI 1.2. Vận dụng được những nội dung cơ bản của Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào hoạt động nhận thức và hoạt động xã hội, hoạt động chuyên môn.
	PI 1.3. Chủ động trong học tập, tôn trọng tính kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.
<b>PLO 2</b>	<b>Đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung 6 bậc của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (trương đương với B1 khung Châu Âu), đồng thời sử dụng được ngoại ngữ trong môi trường làm việc, cập nhật kiến thức chuyên môn Y khoa.</b>
	PI 2.1. Giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh trong học tập hoặc thực hành nghề nghiệp.
	PI 2.2. Đọc hiểu, sử dụng được các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh để phục vụ quá trình học tập, thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học.
<b>PLO 3</b>	<b>Đạt chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. Ứng dụng một số phần mềm chuyên dụng để xử lý dữ liệu thống kê trong nghiên cứu Y khoa.</b>
	PI 3.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập và tra cứu tài liệu chứng cứ khoa học hiệu quả.
	PI 3.2. Thao tác cơ bản với phần mềm công nghệ thông tin trong thực hành nghề nghiệp.
	PI 3.3. Ứng dụng các thiết bị liên lạc, hỗ trợ trong thực hành nghề nghiệp.

<b>PLO 4</b>	<b>Áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, y học lâm sàng và y học cộng đồng trong thực hành chăm sóc sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.</b>
	PI 4.1. Áp dụng kiến thức khoa học cơ bản trong thực hành chuyên môn Gây mê Hồi sức.
	PI 4.2. Áp dụng được các kiến thức y học cơ sở, y học lâm sàng và y học cộng đồng trong thực hành chuyên môn Gây mê Hồi sức.
<b>PLO 5</b>	<b>Giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, nhân viên y tế, người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng.</b>
	PI 5.1. Lắng nghe người bệnh và thân nhân người bệnh bằng thái độ ân cần và cử chỉ lịch sự.
	PI 5.2. Sử dụng các phương pháp và hình thức giao tiếp hiệu quả và thích hợp cho từng nhóm đối tượng.
	PI 5.3. Thể hiện sự hiểu biết về văn hóa và tôn trọng tín ngưỡng trong giao tiếp.
	PI 5.4. Chuẩn bị về tâm lý cho người bệnh và thân nhân người bệnh trước khi cung cấp những thông tin “không thuận lợi”.
<b>PLO 6</b>	<b>Thực hành theo quy định của pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp.</b>
	PI 6.1. Thực hành theo quy định của pháp luật liên quan đến y tế và các quy định.
	PI 6.2. Tuân thủ các quy định của các cơ sở y tế.
	PI 6.3. Tuân thủ tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Quốc gia và Quốc tế trong thực hành Điều dưỡng.
	PI 6.4. Phát hiện và báo cáo kịp thời những sai sót chuyên môn và chịu trách nhiệm về báo cáo đó.
<b>PLO 7</b>	<b>Áp dụng được sáng kiến cải tiến và bằng chứng y học trong thực hành Điều dưỡng; có khả năng tự định hướng học tập suốt đời và tham gia nghiên cứu khoa học cho phát triển cá nhân và nghề nghiệp.</b>
	PI 7.1. Áp dụng được sáng kiến cải tiến và bằng chứng y học trong thực hành Điều dưỡng.
	PI 7.2. Có khả năng tự định hướng học tập suốt đời.
	PI 7.3. Tham gia nghiên cứu khoa học cho phát triển cá nhân và nghề nghiệp.

<b>PLO 8</b>	<b>Áp dụng các kỹ năng cơ bản của quản lý, lãnh đạo trong học tập và thực hành chuyên môn Gây mê Hồi sức.</b>
	PI 8.1. Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực trong hoạt động học tập và thực hành chuyên môn Gây mê Hồi sức.
	PI 8.2. Đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động học tập và thực hành nghề nghiệp.
	PI 8.3. Có kỹ năng ghi chép hồ sơ bệnh án liên quan chuyên môn Gây mê Hồi sức bảo đảm đầy đủ chính xác, rõ ràng.
	PI 8.4. Sử dụng và bảo quản hồ sơ bệnh án đúng qui định.
	PI 8.5. Vận hành và bảo quản một số phương tiện theo dõi, trang thiết bị y tế chuyên ngành Gây mê Hồi sức an toàn và hiệu quả.
<b>PLO 9</b>	<b>Hợp tác hiệu quả với các thành viên trong nhóm chăm sóc liên ngành.</b>
	PI 9.1. Phối hợp hiệu quả với người bệnh, gia đình và nhân viên y tế trong việc theo dõi, chăm sóc, điều trị người bệnh.
	PI 9.2. Tôn trọng vai trò, quan điểm và uy tín của đồng nghiệp và nhân viên y tế.
	PI 9.3. Chia sẻ thông tin và kinh nghiệm chuyên môn một cách hiệu quả với các thành viên trong nhóm chăm sóc liên ngành.
<b>PLO 10</b>	<b>Thực hiện quy trình thăm khám tiền mê, công tác chuẩn bị người bệnh an toàn và kín đáo, thoải mái cho người bệnh trước, trong và sau phẫu thuật.</b>
	PI 10.1. Đánh giá và tiên lượng các vấn đề sức khỏe, yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh trước, trong và sau phẫu thuật.
	PI 10.2. Chuẩn bị được các phương án phòng ngừa, xử trí với những khó khăn và tai biến có thể xảy ra.
	PI 10.3. Tuân thủ các quy tắc về sự an toàn, kín đáo, thoải mái cho người bệnh trước, trong và sau phẫu thuật.
<b>PLO 11</b>	<b>Thực hiện được các kỹ thuật Gây mê Hồi sức cơ bản và lập kế hoạch gây mê, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch theo dõi cho người bệnh trước, trong và sau phẫu thuật an toàn, hiệu quả.</b>
	PI 11.1. Thực hiện được các kỹ thuật Gây mê Hồi sức cơ bản an toàn và hiệu quả.
	PI 11.2. Lập kế hoạch gây mê, theo dõi an toàn, hiệu quả dựa trên những vấn đề sức khỏe của người bệnh trước, trong và sau phẫu thuật.
	PI 11.3. Đánh giá và điều chỉnh kế hoạch theo dõi dựa vào tình trạng sức khỏe người bệnh phù hợp kết quả mong đợi.

<b>PLO 12</b>	<b>Khai thác tiền sử dị ứng thuốc, sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả, phát hiện, xử trí ban đầu kịp thời khi có phản ứng thuốc trong quá trình Gây mê Hồi sức trên người bệnh trước, trong và sau phẫu thuật.</b>
	PI 12.1. Khai thác được tiền sử dị ứng thuốc của người bệnh trước khi Gây mê Hồi sức.
	PI 12.2. Tuân thủ quy tắc 5 đúng khi dùng thuốc liên quan quá trình thực hiện Gây mê Hồi sức trước, trong và sau phẫu thuật.
	PI 12.3. Phát hiện và phối hợp xử trí ban đầu kịp thời khi người bệnh có phản ứng thuốc hoặc phản ứng phụ với thuốc.
	PI 12.4. Xác định được liều dùng, chỉ định, chống chỉ định của thuốc dùng trong thực hành Gây mê Hồi sức.
	PI 12.5. Nhận định được cơ chế tác dụng, cách dùng thuốc an toàn và hiệu quả.

**Ghi chú:** PLO là viết tắt của thuật ngữ Program Learning Outcomes (Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo), PI là viết tắt của thuật ngữ Performance Indicator (Chỉ số đánh giá).

#### **4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP**

##### **4.1. Vị trí việc làm**

- Đảm nhiệm được các vị trí công tác của Cử nhân Điều dưỡng và Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê Hồi sức trình độ đại học tại các cơ sở Y tế;
- Tham gia nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo về y, dược và các viện, trung tâm nghiên cứu.

##### **4.2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng học sau đại học trong và ngoài nước về ngành Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê Hồi sức (Chuyên khoa, Thạc sĩ, Tiến sĩ,...);
- Tham gia học các lớp đào tạo ngắn hạn; đào tạo liên tục để cập nhật, nâng cao trình độ chuyên môn về Điều dưỡng và Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê Hồi sức;
- Tham gia nghiên cứu khoa học.

#### **5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

##### **5.1. Thông tin tuyển sinh**

Tốt nghiệp THPT và theo quy định của Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường.

##### **5.2. Quy định đào tạo**

Theo hình thức tín chỉ, theo đúng quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định của Trường.

### 5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được Nhà Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi hoàn thành toàn bộ các học phần theo đúng tỷ lệ của từng khối lượng kiến thức trong chương trình đào tạo, hoàn thành chương trình Giáo dục Thể chất, chương trình Giáo dục Quốc phòng – An ninh, đạt chuẩn năng lực Ngoại ngữ và hoàn thành các nghĩa vụ của sinh viên. Cụ thể:

TT	ĐIỀU KIỆN	MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC	Ghi chú
1	Kết quả học tập	Tích lũy đủ 132 tín chỉ. Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa đạt từ 2,00 trở lên (thang điểm 4) hoặc 5,00 trở lên (thang điểm 10).	
2	Kết quả rèn luyện	Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức bị đình chỉ học tập.	
3	Điều kiện Ngoại ngữ	Có chứng chỉ Ngoại ngữ bậc 3/6 tương đương với trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu.	Sinh viên tự tích lũy
4	Điều kiện Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất	Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục Thể chất.	

## 6. TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

### 6.1. Tổ chức dạy học

- Tổ chức dạy học trực tiếp: Nhà Trường sẽ tổ chức dạy học trực tiếp hầu hết cho tất cả các học phần theo từng lớp học, theo thời khoá biểu của từng học kỳ. Trường có hệ thống phòng học đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng phục vụ cho hoạt động dạy và học. Bên cạnh đó hệ thống các phòng thực tập tại cơ sở và thực hành tại các bệnh viện được trang bị nhiều thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy học, trong đó có nhiều thiết bị hiện đại và đạt chuẩn quốc tế.

- Tổ chức dạy học trực tuyến: Trường có nguồn tài nguyên học liệu đa phương tiện trên nền tảng số cho tất cả các học phần/học phần của chương trình đào tạo, có các phòng học đa phương tiện, phòng ghi hình/ghi âm bài giảng phục vụ cho đào tạo trực tuyến. Trong cấu trúc từng học phần/học phần có phương án chuyển đổi giảng dạy theo hình thức kết hợp (blended-learning) với trọng số không quá 30% thời lượng được giảng dạy trên nền tảng số đảm bảo trong mọi tình huống thiên tai, dịch bệnh,... vẫn đáp ứng quy định, yêu cầu dạy và học một cách tốt nhất có thể.

## 6.2. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

**Bảng 1. Quan hệ giữa phương pháp giảng dạy và học tập với chuẩn đầu ra (PLO)**

Phương pháp dạy và học	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)											
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
Dạy học dựa trên vấn đề					X					X	X	
Dạy học dựa trên mô phỏng				X					X			
Phương pháp thuyết giảng có lồng ghép dạy học tích cực	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Đóng vai					X				X			
Phương pháp dạy học thực hành										X	X	X
Thảo luận nhóm									X	X	X	
Trình diễn mẫu và thực hành lại			X	X						X	X	X
Dạy học dựa trên tình huống						X			X	X	X	X
Tự học	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

## 7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (LƯỢNG GIÁ)

Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và chương trình đào tạo.

Đánh giá kết quả học tập của người học được dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến. Tùy thuộc từng học phần, việc đánh giá được áp dụng có thể nhiều hơn các hình thức trong bản mô tả chương trình đào tạo này.

### 7.1. Đánh giá quá trình

Đây là hoạt động thường xuyên, liên tục nhằm hỗ trợ người dạy và người học tự đánh giá, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong từng buổi học, làm cơ sở cho hoàn

thành từng tín chỉ, học phần của chương trình đào tạo. Đánh giá quá trình bao gồm (1) Tính chuyên cần; (2) Việc hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm và khả năng thuyết trình; (3) Đảm bảo an toàn, quy trình kỹ thuật; (4) Có đủ điểm thành phần theo quy định tại Quy chế đào tạo của Trường.

## 7.2. Đánh giá kết thúc học phần (tổng kết)

Đây là hoạt động do Trường tổ chức khi kết thúc học kỳ hoặc khi kết thúc học phần trong chương trình đào tạo. Thi học phần lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm khách quan, tự luận,... Thi học phần thực hành thông qua việc thực hiện: thi lâm sàng cấu trúc theo mục tiêu (OSCE), tình huống lâm sàng, giải quyết tình huống mô phỏng,...

**Bảng 2. Quan hệ giữa phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra (PLO)**

Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)											
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
Tiểu luận	X			X			X	X	X			
Tự luận	X			X						X	X	X
Trắc nghiệm nhiều lựa chọn/câu hỏi ngắn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Báo cáo chuyên đề				X	X		X	X		X	X	X
Thực hành kỹ năng			X		X					X	X	X
Tình huống lâm sàng					X				X	X	X	X
Thi lâm sàng cấu trúc theo mục tiêu (OSCE)				X			X			X	X	
Thi thực hành cấu trúc theo mục tiêu (OSPE)				X							X	
Giải quyết tình huống mô phỏng									X			
Bài đánh giá cỡ nhỏ (MiniCEX)										X	X	X
Đánh giá nhật ký lâm sàng								X		X	X	X
Khóa luận tốt nghiệp				X			X	X				



## 8. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 8.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

*Bảng 3. Cấu trúc chương trình đào tạo*

TT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
1	<b>Giáo dục đại cương (bắt buộc)</b> - Học phần Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh - Học phần đại cương	<b>21</b> 11 21
2	<b>Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>111</b>
2.1	<b>Khối kiến thức bắt buộc</b> - Học phần cơ sở ngành - Học phần ngành - Học phần chuyên ngành - Thực tế tốt nghiệp	33 33 31 04
2.2	<b>Khối kiến thức tự chọn</b> - Học phần chuyên ngành - Khóa luận tốt nghiệp hoặc Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	02 08
	<b>Tổng cộng</b> (Chưa tính các học phần Giáo dục Thể chất; Giáo dục Quốc phòng – An ninh).	<b>132</b>

### 8.2. Nội dung chi tiết chương trình đào tạo

*Bảng 4. Nội dung chi tiết chương trình đào tạo*

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần học trước)
					Lý thuyết	Thực hành	
<b>I. Giáo dục đại cương</b>							
1	11001001	Triết học Mác – Lênin	Philosophy of Marxism - Leninism	3	3	0	
2	11001002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Political Economics of Marxism - Leninism	2	2	0	Triết học Mác – Lênin

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần học trước)
					Lý thuyết	Thực hành	
3	11001003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	2	0	Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin
4	11001004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2	0	Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học
5	11001005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of Vietnam Communist Party	2	2	0	Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh.
6	11002006	Tin học đại cương	Basic Informatics	2	1	1	
7	11004007	Giáo dục Thể chất	Physical education	3			
8	11080008	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	National defense Education	8			
9	11072009	Pháp luật đại cương và Pháp luật liên quan ngành sức khỏe	Introduction to Laws and Healthcare related Laws	2	2	0	

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần học trước)
					Lý thuyết	Thực hành	
10	11003010	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	Medical English 1	2	2	0	
11	11003011	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	Medical English 2	2	2	0	Ngoại ngữ chuyên ngành 1
12	11013012	Hoá học	Chemistry	2	2	0	
<b>Tổng cộng</b> ( <i>Chưa tính các học phần Giáo dục Thể chất; Giáo dục Quốc phòng – An ninh</i> ).				<b>21</b>	<b>20</b>	<b>1</b>	
<b>II. Giáo dục chuyên nghiệp</b>							
<b>1. Học phần cơ sở ngành bắt buộc</b>							
13	21007013	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	Pathophysiology – Immunology	2	2	0	Hóa sinh; Sinh lý
14	21070014	Tâm lý y học – Y đức	Medical Psychology – Ethics	2	2	0	
15	21002015	Thống kê y học	Biostatistics	2	1	1	
16	21012016	Sinh học – Di truyền	Biology – Genetics	2	2	0	
17	21010017	Vật lý – Lý sinh	Physics – Biophysics	2	2	0	
18	21065018	Dịch tễ học	Epidemiology	2	2	0	
19	21048019	Nghiên cứu khoa học – Thực hành dựa vào bằng chứng	Scientific research – Evidence-based practice	3	2	1	Thống kê y học
20	21005020	Giải phẫu	Anatomy	3	2	1	

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần học trước)
					Lý thuyết	Thực hành	
21	21007021	Sinh lý	Physiology	3	2	1	Giải phẫu; Hóa sinh; Sinh học - Di truyền
22	21063022	Dược lý	Pharmacology	3	2	1	Sinh lý; Sinh lý bệnh - Miễn dịch
23	21045023	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng	Communication Skills in Nursing practice	2	1	1	
24	21013024	Hóa sinh	Biochemistry	2	1	1	Hóa học
25	21006025	Vi sinh - Ký sinh	Microbiology – Parasitology	3	2	1	Giải phẫu; Sinh lý
26	21079026	Giáo dục liên ngành – Tính chuyên nghiệp	Interprofessional Education – Professionalism	2	1	1	
<b>Tổng cộng</b>				<b>33</b>	<b>24</b>	<b>9</b>	
<b>2. Học phần ngành bắt buộc</b>							
27	31043027	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm và người lớn có bệnh Nội khoa	Communicable Diseases and Adult Medical Nursing	3	3	0	Điều dưỡng cơ sở 1
28	31043028	Thực tập Điều dưỡng lâm sàng (Nhiễm – Nội – Ngoại – Hồi sức cấp cứu)	Clinical Nursing practice (Infectious Disease – Internal Medicine – Surgery – Emergency)	4	0	4	Điều dưỡng cơ sở 1; Điều dưỡng cơ sở 2

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần học trước)
					Lý thuyết	Thực hành	
29	31045029	Giáo dục sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng	Health Educatlon in Nursing practice	2	1	1	Tâm lý y học – Y đức
30	31044030	Đánh giá sức khỏe trong Điều dưỡng	Health Assessment in Nursing	2	1	1	Sinh lý bệnh - Miễn dịch; Điều dưỡng cơ sở 1
31	31042031	Định hướng ngành – Học thuyết Điều dưỡng	Nursing Orientation – Theories	2	1	1	
32	31042032	Điều dưỡng cơ sở 1	Fundamental Nursing 1	4	2	2	Giải phẫu; Sinh lý
33	31042033	Điều dưỡng cơ sở 2	Fundamental Nursing 2	4	0	4	Điều dưỡng cơ sở 1
34	31037034	Kiểm soát nhiễm khuẩn	Infection Control	2	1	1	Giải phẫu; Vi sinh – Ký sinh; Sinh lý bệnh – Miễn dịch; Dược lý; Điều dưỡng cơ sở 1
35	31048035	Lãnh đạo và Quản lý Điều dưỡng	Nursing Leadership and Management	2	2	0	Điều dưỡng cơ sở 1; Điều dưỡng cơ sở 2

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần học trước)
					Lý thuyết	Thực hành	
36	31043036	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	Pediatric Nursing	2	1	1	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm và người lớn có bệnh Nội khoa; Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa
37	31049037	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, trẻ sơ sinh	Female, Maternal and Newborn Nursing care	2	1	1	
38	31043038	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	Emergency – Intensive Nursing Care	2	2	0	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm và người lớn có bệnh Nội khoa; Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa
39	31043039	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa	Adult Surgical Nursing	2	2	0	Điều dưỡng cơ sở 1
<b>Tổng cộng</b>				<b>33</b>	<b>17</b>	<b>16</b>	

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần học trước)
					Lý thuyết	Thực hành	
<b>3. Học phần chuyên ngành bắt buộc</b>							
40	31046040	Giải phẫu sinh lý liên quan Gây mê Hồi sức	Anatomy and Physiology for Anaesthesia	2	2	0	Giải phẫu; Sinh lý
41	31046041	Dược lâm sàng liên quan Gây mê Hồi sức	Anaesthetic Pharmacology	2	2	0	Dược lý; Sinh lý
42	31046042	Kỹ thuật Gây mê Hồi sức	Anaesthetic techniques	3	3	0	Giải phẫu sinh lý chuyên ngành Gây mê hồi sức; Dược lâm sàng liên quan Gây mê hồi sức
43	31046043	Gây mê cơ bản	Basic General Anaesthesia	2	2	0	Giải phẫu sinh lý chuyên ngành Gây mê hồi sức, Dược lâm sàng liên quan Gây mê hồi sức.

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần học trước)
					Lý thuyết	Thực hành	
44	31046044	Gây tê cơ bản	Basic Regional Anaesthesia	2	2	0	Giải phẫu sinh lý chuyên ngành Gây mê hồi sức; Dược lâm sàng liên quan Gây mê hồi sức
45	31046045	Gây mê Hồi sức chuyên khoa bệnh lý 1	Anaesthesia for specialties 1	2	2	0	Kỹ thuật Gây mê hồi sức; Gây mê cơ bản; Gây tê cơ bản
46	31046046	Gây mê Hồi sức chuyên khoa bệnh lý 2	Anaesthesia for specialties 2	2	2	0	Kỹ thuật Gây mê hồi sức; Gây mê cơ bản; Gây tê cơ bản
47	31046047	Hồi sức và Chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật	Resuscitation and Postoperative Care	4	2	2	Kỹ thuật Gây mê hồi sức; Gây mê cơ bản; Gây tê cơ bản
48	31046048	Thực hành Kỹ thuật Gây mê Hồi sức	Practice of Anaesthetic techniques	4	0	4	Giải phẫu sinh lý chuyên ngành Gây mê hồi sức; Dược lâm sàng liên quan Gây mê hồi sức



TT	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần học trước)
					Lý thuyết	Thực hành	
49	31046049	Thực hành Gây mê cơ bản	Practice of Basic General Anaesthesia	2	0	2	Giải phẫu sinh lý chuyên ngành Gây mê hồi sức; Dược lâm sàng liên quan Gây mê hồi sức
50	31046050	Thực hành Gây tê cơ bản	Practice of Basic Regional Anaesthesia	2	0	2	Giải phẫu sinh lý chuyên ngành Gây mê hồi sức; Dược lâm sàng liên quan Gây mê hồi sức
51	31046051	Thực hành Gây mê Hồi sức chuyên khoa bệnh lý	Practice of Anaesthesia for specialties	4	0	4	Kỹ thuật Gây mê hồi sức; Gây mê cơ bản; Gây tê cơ bản
<b>Tổng cộng</b>				<b>31</b>	<b>17</b>	<b>14</b>	
<b>4. Học phần chuyên ngành tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần sau)</b>							
52	30046052	Thực tập Gây mê Hồi sức trong phẫu thuật Ngoại tiết niệu	Practice of Aneasthesia for Urology surgery	2	0	2	Gây mê Hồi sức chuyên khoa bệnh lý 1; Gây mê Hồi sức chuyên khoa bệnh lý 2

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần học trước)
					Lý thuyết	Thực hành	
53	30046053	Thực tập Gây mê Hồi sức trong phẫu thuật Chấn thương chỉnh hình – Ngoại thần kinh	Practice of Aneasthesia for Trauma and Orthopaedic sugery – Neurosurgery	2	0	2	Gây mê Hồi sức chuyên khoa bệnh lý 1; Gây mê Hồi sức chuyên khoa bệnh lý 2
54	30046054	Thực tập Gây mê Hồi sức trong phẫu thuật Sản phụ khoa – Nhi khoa	Practice of Aneasthesia for Obstetrics and Gynecology – Pediatrics	2	0	2	Gây mê Hồi sức chuyên khoa bệnh lý 1; Gây mê Hồi sức chuyên khoa bệnh lý 2
<b>Tổng cộng</b>				<b>2</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	
<b>5. Khóa luận tốt nghiệp hoặc Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp</b>							
55	40046055	Khóa luận tốt nghiệp	Minor Thesis	8	8	0	Các học phần chuyên ngành
56	40046056	Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp	Substitute subjects	8	4	4	Các học phần chuyên ngành
<b>6. Thực tế tốt nghiệp</b>							
57	41046057	Thực tế tốt nghiệp	Graduation Practicum	4	0	4	Các học phần chuyên ngành



TT	Tên học phần bằng tiếng Việt	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)											
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
13	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	1	1	1	5	3	4	3	1	1	1	1	1
14	Tâm lý y học – Y đức	1	1	1	4	4	1	1	1	4	1	4	1
15	Thống kê y học	1	2	5	1	1	1	4	1	1	1	1	1
16	Sinh học – Di truyền	1	2	2	4	1	2	2	1	1	1	1	1
17	Vật lý – Lý sinh	1	1	1	3	1	1	1	1	1	1	1	1
18	Dịch tễ học	1	1	1	3	1	1	4	1	1	1	1	1
19	Nghiên cứu khoa học – Thực hành dựa vào bằng chứng	1	3	3	2	1	2	4	1	1	2	2	1
20	Giải phẫu	1	1	1	5	5	2	3	3	2	3	2	2
21	Sinh lý	1	1	1	5	3	4	3	1	1	1	1	1
22	Dược lý	1	1	1	3	1	1	1	1	1	3	2	4
23	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng	1	1	1	1	4	1	1	1	2	1	1	1
24	Hóa sinh	1	1	1	4	1	1	3	1	2	1	2	1
25	Vi sinh – Ký sinh	1	1	1	4	3	2	2	2	2	2	3	2
26	Giáo dục liên ngành – Tính chuyên nghiệp	1	1	1	1	4	1	1	1	5	1	3	3

TT	Tên học phần bằng tiếng Việt	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)											
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
27	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm và người lớn có bệnh Nội khoa	1	1	3	3	4	3	3	3	3	4	1	1
28	Thực tập Điều dưỡng lâm sàng (Nhiễm – Nội – Ngoại – Hồi sức cấp cứu)	1	1	1	3	4	3	3	3	4	4	1	5
29	Giáo dục sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng	1	1	1	1	3	1	1	1	1	1	1	1
30	Đánh giá sức khỏe trong Điều dưỡng	1	2	3	4	4	3	4	2	3	2	2	3
31	Định hướng ngành – Học thuyết Điều dưỡng	1	1	2	2	2	3	2	3	3	2	2	2
32	Điều dưỡng cơ sở 1	1	1	2	3	3	3	2	3	3	3	2	4
33	Điều dưỡng cơ sở 2	1	1	2	3	3	3	3	3	3	3	2	4
34	Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	1	2	3	3	4	3	2	2	3	3	2
35	Lãnh đạo và Quản lý Điều dưỡng	1	2	2	2	3	3	3	4	3	1	2	1
36	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	1	1	3	3	4	3	3	3	4	4	1	5
37	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, trẻ sơ sinh	1	2	1	1	1	1	1	3	3	3	3	3

TT	Tên học phần bằng tiếng Việt	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)											
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
38	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	1	1	1	3	4	3	3	3	4	4	4	5
39	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa	1	1	3	3	4	3	3	3	3	4	1	1
40	Giải phẫu sinh lý liên quan Gây mê Hồi sức	1	2	2	4	1	1	2	1	2	4	3	3
41	Dược lâm sàng liên quan Gây mê Hồi sức	1	2	2	4	1	2	2	2	2	4	3	5
42	Kỹ thuật Gây mê Hồi sức	1	2	2	2	2	3	2	2	2	4	4	3
43	Gây mê cơ bản	1	2	2	2	2	3	2	2	2	4	4	3
44	Gây tê cơ bản	1	2	2	3	2	3	2	2	2	4	5	4
45	Gây mê Hồi sức chuyên khoa bệnh lý 1	1	2	2	3	2	3	2	2	2	4	5	4
46	Gây mê Hồi sức chuyên khoa bệnh lý 2	1	2	2	4	4	4	4	4	4	5	5	5
47	Hồi sức và Chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật	1	2	2	4	4	4	4	4	4	5	5	5
48	Thực hành Kỹ thuật Gây mê Hồi sức	1	2	2	3	3	3	3	3	3	4	5	4
49	Thực hành Gây mê cơ bản	1	2	2	2	3	3	3	3	3	4	4	4

TT	Tên học phần bằng tiếng Việt	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)											
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
50	Thực hành Gây tê cơ bản	1	2	2	3	4	4	4	3	3	4	5	4
51	Thực hành Gây mê Hồi sức chuyên khoa bệnh lý	1	2	2	4	4	4	4	4	4	5	5	5
52	Thực tập Gây mê Hồi sức trong phẫu thuật Ngoại tiết niệu	1	2	2	4	5	5	4	4	4	5	5	5
53	Thực tập Gây mê Hồi sức trong phẫu thuật Chấn thương chỉnh hình - Ngoại thần kinh	1	2	2	4	5	5	4	4	4	5	5	5
54	Thực tập Gây mê Hồi sức trong phẫu thuật Sản phụ khoa – Nhi khoa	1	2	2	4	5	5	4	4	4	5	5	5
55	Khóa luận tốt nghiệp	2	3	5	5	5	5	5	5	4	4	4	4
56	Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp	2	3	5	5	5	5	5	5	4	4	4	4
57	Thực tế tốt nghiệp	2	3	3	5	5	5	5	4	5	5	5	5

**Ghi chú:** Đánh dấu vào các ô của ma trận bằng các số từ 1 đến 5 với diễn giải mức đáp ứng với chuẩn đầu ra của các học phần như sau:

- 1: Không đáp ứng
- 2: Ít đáp ứng
- 3: Đáp ứng trung bình
- 4: Đáp ứng nhiều
- 5: Đáp ứng rất nhiều

#### 8.4. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

*Bảng 6. Kế hoạch giảng dạy (từ năm học 2023-2024)*

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ thực hiện								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
1	11001001	Triết học Mác – Lênin	3	X								
2	11001002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2		X							
3	11001003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			X						
4	11001004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				X					
5	11001005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					X				
6	11002006	Tin học đại cương	2	X								
7	11004007	Giáo dục Thể chất	3									
8	11080008	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8									
9	11072009	Pháp luật đại cương và Pháp luật liên quan ngành sức khỏe	2		X							
10	11003010	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	2						X			
11	11003011	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	2							X		
12	11013012	Hóa học	2	X								
13	21007013	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	2			X						
14	21070014	Tâm lý y học – Y đức	2	X								
15	21002015	Thống kê y học	2		X							



TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ thực hiện								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
16	21012016	Sinh học – Di truyền	2	X								
17	21010017	Vật lý – Lý sinh	2		X							
18	21065018	Dịch tễ học	2				X					
19	21048019	Nghiên cứu khoa học – Thực hành dựa vào bằng chứng	3						X			
20	21005020	Giải phẫu	3	X								
21	21007021	Sinh lý	3		X							
22	21063022	Dược lý	3			X						
23	21045023	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng	2		X							
24	21013024	Hóa sinh	2	X								
25	21006025	Vi sinh – Ký sinh	3		X							
26	21079026	Giáo dục liên ngành – Tính chuyên nghiệp	2					X				
27	31043027	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm và người lớn có bệnh Nội khoa	3				X					
28	31043028	Thực tập Điều dưỡng lâm sàng (Nhiễm – Nội – Ngoại – Hồi sức cấp cứu)	4					X				
29	31045029	Giáo dục sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng	2		X							

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ thực hiện								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
30	31044030	Đánh giá sức khỏe trong Điều dưỡng	2			X						
31	31042031	Định hướng ngành – Học thuyết Điều dưỡng	2	X								
32	31042032	Điều dưỡng cơ sở 1	4			X						
33	31042033	Điều dưỡng cơ sở 2	4				X					
34	31037034	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2				X					
35	31048035	Lãnh đạo và Quản lý Điều dưỡng	2								X	
36	31043036	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2					X				
37	31049037	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, trẻ sơ sinh	2					X				
38	31043038	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	2					X				
39	31043039	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa	2				X					
40	31046040	Giải phẫu sinh lý liên quan Gây mê Hồi sức	2				X					
41	31046041	Dược lâm sàng liên quan Gây mê Hồi sức	2					X				
42	31046042	Kỹ thuật Gây mê Hồi sức	3							X		
43	31046043	Gây mê cơ bản	2							X		
44	31046044	Gây tê cơ bản	2							X		



## **8.5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

### **1. Triết học Mác - Lênin – 3(3.0)**

Là học phần đầu tiên của chương trình các môn Lý luận chính trị trong Trường đại học, cao đẳng.

Căn cứ vào mục tiêu học phần, nội dung chương trình học phần được cấu trúc thành 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin.

### **2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin – 2(2.0)**

Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin.

Căn cứ vào mục tiêu học phần, nội dung chương trình học phần được cấu trúc thành 6 chương bao quát những nội dung cơ bản về Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

### **3. Chủ nghĩa xã hội khoa học – 2(2.0)**

Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lênin. Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học, gắn với những vấn đề chính trị - xã hội tại Việt Nam và quốc tế hiện nay. Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); chương 2 đến chương 7, trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần.

### **4. Tư tưởng Hồ Chí Minh – 2(2.0)**

Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các học phần của Chủ nghĩa Mác-Lênin. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người

Căn cứ vào mục tiêu học phần, nội dung chương trình học phần được cấu trúc thành 6 chương bao quát những nội dung cơ bản về cơ sở hình thành phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh, hệ thống các quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

## **5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam – 2(2.0)**

Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần thuộc chương trình đại cương của sinh viên các Trường Đại học và Cao đẳng. Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, phương pháp nghiên cứu, học tập môn lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-nay). Qua đó, khẳng định các thành công, nêu lên những hạn chế, tổng kết kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

## **6. Tin học đại cương – 2(1.1)**

Học phần cung cấp kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) theo thông tư: 03/2014/TT-BTTTT, bao gồm các chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản, và 3 chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT nâng cao: xử lý văn bản nâng cao, sử dụng bảng tính nâng cao, sử dụng trình chiếu nâng cao. Học phần này được giảng dạy vào học kì I của năm thứ 1.

## **7. Giáo dục Thể chất – 3(0.3)**

Nội dung theo Thông tư 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học.

## **8. Giáo dục Quốc phòng – An ninh – 8(0.8)**

Nội dung theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/4/2020 Về việc Ban hành chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

## **9. Pháp luật đại cương và Pháp luật liên quan ngành sức khỏe – 2(2.0)**

Pháp luật đại cương và Pháp luật liên quan ngành sức khỏe là môn học bắt buộc. Pháp luật Đại cương được xây dựng nhằm mở rộng những tri thức phổ thông, lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; cung cấp một số kiến thức về pháp luật thực định liên quan đến đời sống lao động; nâng cao văn hoá pháp lý cho người học; bồi dưỡng niềm tin cho người học để có thói quen lựa chọn hành vi xử sự đúng pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo và hoàn thiện nhân cách cho người học, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, tạo dựng tình cảm, củng cố lòng tin của người học về những giá trị

chuẩn mực của pháp luật. Các luật liên quan gồm: Bộ luật lao động; Luật phòng chống tham nhũng lãng phí; Luật khiếu nại; Luật tố cáo, Luật sở hữu trí tuệ. Pháp luật chăm sóc sức khỏe cung cấp các kiến thức về các luật liên quan đến công tác chăm sóc sức khỏe người dân như các Luật: Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Luật Bảo hiểm y tế nhằm giúp người học vận dụng vào lĩnh vực hành nghề y tế sau khi tốt nghiệp.

#### **10. Ngoại ngữ chuyên ngành 1 – 2(2.0)**

Ngoại ngữ 1 giúp sinh viên hiểu những ý chính trong ngôn ngữ thông qua các chủ đề quen thuộc, thường gặp trong công việc ở bệnh viện hay phòng khám. Sinh viên có thể xử lý các tình huống xảy ra trong giao tiếp. Sinh viên nắm những điểm ngữ pháp cơ bản, có thể sử dụng các câu đơn giản để giao tiếp trong công việc.

#### **11. Ngoại ngữ chuyên ngành 2 – 2(2.0)**

Học phần học trước: Ngoại ngữ chuyên ngành 1.

Ngoại ngữ 2 giúp sinh viên hiểu những ý chính trong ngôn ngữ thông qua các chủ đề quen thuộc, thường gặp trong công việc ở bệnh viện hay phòng khám. Sinh viên có thể xử lý các tình huống xảy ra trong giao tiếp. Sinh viên nắm những điểm ngữ pháp cơ bản, đồng thời mở rộng, và nâng cao những điểm ngữ pháp đã học ở Ngoại Ngữ 1. Sinh viên có thể sử dụng nhiều dạng câu để giao tiếp trong công việc.

#### **12. Hóa học – 2(2.0)**

Cung cấp kiến thức cho sinh viên Hóa đại cương về vô cơ và hữu cơ. Các liên kết hóa học, nhiệt động hóa học, dung dịch, oxi hóa khử, hydrocacbon, alcohol, phenol,...

#### **13. Sinh lý bệnh - Miễn dịch – 2(2.0)**

Học phần học trước: Hóa sinh; Sinh lý.

Học phần này được xây dựng dựa trên các quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình – quy luật hoạt động của bệnh nói chung. Vận dụng kiến thức Sinh lý bệnh vào việc học tập và mô hình bệnh tật.

Miễn dịch học nghiên cứu về cách thức mà cơ thể chống lại các tác nhân gây miễn cảm, gây bệnh đến từ môi Trường bên ngoài hoặc bên trong cơ thể. Các rối loạn cấu trúc và chức năng của hệ thống đề kháng này có thể đưa đến các bệnh lý nhiễm trùng, quá miễn, tự miễn, ung bướu. Ngoài vai trò cung cấp cơ sở khoa học cho những lập luận biện chứng về bệnh nguyên và bệnh sinh của những nhóm bệnh lý nêu trên, miễn dịch học hiện đại còn cung cấp nền tảng cho việc hình thành, phát triển các phương pháp phòng ngừa và điều trị bệnh (vaccin, ghép tạng...); các kỹ thuật xét nghiệm chẩn đoán y khoa được sử dụng rộng rãi trong y học ngày nay (ELISA, miễn dịch huỳnh quang...)

#### **14. Tâm lý y học – Y đức – 2(2.0)**

Học phần này được xây dựng dựa trên các học thuyết, lý thuyết và các nghiên cứu về khoa học tâm lý và các ví dụ ứng dụng thực tiễn nhằm cung cấp cho sinh viên nền tảng

kiến thức cơ bản về tâm lý học trong cuộc sống thực tế và hoạt động nghề nghiệp. Sinh viên sẽ nhận ra được các đặc điểm biểu hiện của rối loạn stress nghề nghiệp và các bất thường về tâm lý; giải thích và ứng phó được các biểu hiện, diễn biến tâm lý của người bệnh và người thân của họ trong quá trình điều trị. Hiểu ý nghĩa và thực hiện được các kỹ thuật giao tiếp, ứng xử trong mối quan hệ thầy thuốc và người bệnh trong hoạt động nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả điều trị các bệnh cơ thể, phòng tránh các bệnh y sinh xảy ra với người bệnh. Hiểu và trình bày được phẩm chất đạo đức của người hành nghề y chuyên nghiệp và ứng dụng trong hoạt động nghề nghiệp. Hiểu ý nghĩa và ứng dụng các hoạt động tâm lý trong đời sống.

### **15. Thống kê y học – 2(1.1)**

Học phần này trang bị cho sinh viên các kỹ năng thống kê cơ bản và sử dụng phần mềm SPSS để xử lý dữ liệu trong khoa học sức khỏe. Từ đó, sinh viên có thể đánh giá các Y văn ở khía cạnh thống kê và lựa chọn được phương pháp thống kê phù hợp nhằm giải quyết 1 vấn đề sức khỏe. Học phần này được giảng dạy vào học kì II của năm thứ 1.

### **16. Sinh học - Di truyền – 2(2.0)**

Học phần này là sự kết hợp của 2 học phần sinh học tế bào và di truyền y học. Trong học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cấu tạo và chức năng của các thành phần cấu tạo của tế bào người và động vật, từ đó hiểu và biết được vai trò và chức năng của tế bào trong cơ thể sống. Ngoài ra, sinh viên có thêm kiến thức về lĩnh vực di truyền y học, tìm hiểu các khái niệm cơ bản cũng như phân loại được các bệnh di truyền phổ biến trong y học. Học phần này được xem như là học phần cơ bản, cung cấp những kiến thức hữu ích để giúp sinh viên có thể học tập hiệu quả trong khối ngành chăm sóc sức khỏe.

### **17. Vật lý - Lý sinh – 2(2.0)**

Học phần Vật lý – Lý Sinh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức đại cương, được dạy đối với sinh viên năm thứ nhất. Nội dung học phần bao gồm các kiến thức về vật lý như: cơ, điện, quang và hạt nhân. Học phần được xây dựng dựa trên những kiến thức cơ bản về ứng dụng các thành tựu vật lý trong các khoa học sự sống, nhất là trong thực hành y học. Thông qua đó sinh viên có thể giải thích, tính toán được các nguyên lý, quy luật và hiện tượng vật lý được ứng dụng trong nghiên cứu và thực hành sinh học và y học.

### **18. Dịch tễ học – 2(2.0)**

Dịch tễ học cơ bản cung cấp cho sinh viên khái niệm cơ bản về nghiên cứu dịch tễ học và các số đo dịch tễ. Bên cạnh đó, sinh viên được giới thiệu, tìm hiểu các thiết kế nghiên cứu dịch tễ và ứng dụng trong giải quyết các vấn đề sức khỏe trong thực hành nghề nghiệp chăm sóc người bệnh.

### **19. Nghiên cứu khoa học – Thực hành dựa vào bằng chứng – 3(2.1)**

Học phần học trước: Thống kê y học.

Học phần “Nghiên cứu Khoa học - Thực hành Dựa vào Bằng chứng” cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng ứng dụng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe.

### **20. Giải phẫu – 3(2.1)**

Giải phẫu học hệ thống gồm 07 bài lý thuyết, 07 bài thực hành 01 bài kiểm tra giữa kì (lý thuyết), 01 bài kiểm tra cuối kỳ (lý thuyết + thực tập) về tổng quan, vị trí, tương quan, cấu tạo đại thể và phương thức hoạt động về mặt cấu trúc của những thành phần trong một hệ cơ quan, là nền tảng của các học phần tiếp theo và ứng dụng thực tế khi thực hành lâm sàng.

### **21. Sinh lý – 3(2.1)**

Học phần học trước: Giải phẫu; Hóa sinh; Sinh học - Di truyền.

Học phần này được xây dựng dựa trên kiến thức cơ bản về vai trò chức năng và cơ chế hoạt động của tế bào, cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể con người, sự điều hòa hoạt động một cách thống nhất giữa các thành phần này với nhau và giữa cơ thể với môi Trường. Những kiến thức về sinh lý học là cơ sở để giải thích các rối loạn về mặt chức năng trong cơ thể, ứng dụng vào quá trình học các môn y học cơ sở khác và các môn y học lâm sàng.

### **22. Dược lý – 3(2.1)**

Học phần học trước: Sinh lý; Sinh lý bệnh - Miễn dịch.

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về dược động học, dược lực học của các nhóm thuốc, vận dụng kiến thức vào việc sử dụng thuốc hiệu quả, an toàn và ứng dụng vào qui trình Điều dưỡng lập kế hoạch chăm sóc người bệnh.

### **23. Kỹ năng giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng – 2(1.1)**

Học phần Kỹ năng giao tiếp đề cập đến những kiến thức cơ bản kết hợp các bài tập thực hành trong và ngoài lớp về các nguyên tắc ứng xử trong giao tiếp với các bối cảnh khác nhau. Từ đó hình thành thái độ tích cực, tự tin trong giao tiếp nhằm đạt hiệu quả cao nhất, cũng như ảnh hưởng của thái độ này đến các đối tượng khác trong quá trình giao tiếp. Học phần này có vai trò quan trọng trong việc hình thành một trong những hệ thống kỹ năng sống cho sinh viên, góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp.

### **24. Hóa sinh – 2(1.1)**

Học phần học trước: Hóa học.

Cung cấp kiến thức cho sinh viên về cấu trúc, sự chuyển hóa và tổng hợp các phân tử cơ bản trong cơ thể Glucid, Lipid, Protid, Enzym, Hemoglobin, Acid Nucleic, và các bệnh lý liên quan.

### **25. Vi sinh - Ký sinh – 3(2.1)**

Học phần học trước: Giải phẫu; Sinh lý.



Học phần cung cấp các kiến thức đại cương về vi sinh vật, ký sinh trùng bao gồm các đặc điểm sinh học, bệnh lý học, chẩn đoán, điều trị các bệnh do vi sinh vật và ký sinh trùng thường gặp ở Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn giúp sinh viên có khả năng tư vấn cho cá nhân và cộng đồng về biện pháp phòng chống bệnh do vi sinh vật và ký sinh trùng gây ra.

### **26. Giáo dục liên ngành – Tính chuyên nghiệp – 2(1.1)**

Giáo dục liên ngành là một học phần cung cấp các nội dung về tính chuyên nghiệp trong thực hành nghề nghiệp (những tiêu chuẩn về y đức, các quy định hành nghề theo pháp luật hiện hành, duy trì các mối quan hệ với người bệnh, thân nhân và đồng nghiệp); vai trò, năng lực và nguyên tắc triển khai giáo dục liên ngành và hợp tác liên ngành hiệu quả; nguyên tắc chăm sóc lấy người bệnh làm trung tâm; các giá trị chung, nguyên tắc hoạt động nhóm, vai trò và trách nhiệm của mỗi chuyên ngành để tương tác hiệu quả với các thành viên trong nhóm liên ngành; các nguyên tắc và kỹ năng giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp và người bệnh, đặc biệt các tình huống giải quyết xung đột.

### **27. Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm và người lớn có bệnh Nội khoa – 3(3.0)**

Học phần học trước: Điều dưỡng cơ sở 1.

#### **– Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa**

Học phần được xây dựng dựa trên kiến thức của Điều dưỡng một cách tổng quan về nội khoa, giúp sinh viên hiểu được kiến thức về bệnh học và chăm sóc các bệnh nội khoa thường gặp. Ngoài ra, sinh viên có khả năng nhận định và thực hiện quy trình Điều dưỡng một số bệnh nội khoa thường gặp. Từ đó, sinh viên sẽ phát triển kỹ năng trong chăm sóc, phối hợp, quản lý người khỏe mạnh và người có bệnh lý nội khoa thường gặp nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc cho người bệnh.

#### **– Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm**

Học phần được xây dựng dựa trên kiến thức của Điều dưỡng một cách tổng quan về bệnh truyền nhiễm, giúp sinh viên hiểu được kiến thức về bệnh học và chăm sóc các bệnh truyền nhiễm thường gặp. Ngoài ra, sinh viên có khả năng nhận định và thực hiện quy trình Điều dưỡng một số bệnh truyền nhiễm thường gặp. Từ đó, sinh viên sẽ phát triển kỹ năng chăm sóc, phối hợp, quản lý người khỏe mạnh và người có bệnh lý truyền nhiễm thường gặp nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc cho người bệnh.

### **28. Thực tập Điều dưỡng lâm sàng (Nhiễm-Nội-Ngoại-Hồi sức cấp cứu) – 4(0.4)**

Học phần học trước: Điều dưỡng cơ sở 1; Điều dưỡng cơ sở 2.

Học phần này được xây dựng dựa trên kiến thức Điều dưỡng đã học cho việc chăm sóc sức khỏe bệnh truyền nhiễm, chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa, chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa, chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực. Nhận định và chăm sóc sức khỏe bệnh truyền nhiễm, nội khoa, ngoại khoa và hồi sức

cấp cứu đòi hỏi sinh viên Điều dưỡng phải dựa trên chứng cứ, tình trạng lâm sàng và các nhu cầu chăm sóc sức khỏe người bệnh và gia đình. Từ đó, sinh viên sẽ có kiến thức, kỹ năng cơ bản về chăm sóc Điều dưỡng bệnh truyền nhiễm; các bệnh nội khoa, ngoại khoa và hồi sức cấp cứu, có phẩm chất đạo đức tốt; có tinh thần trách nhiệm trong việc chăm sóc và hướng dẫn giáo dục sức khỏe để đảm bảo an toàn, phòng ngừa biến chứng cho người bệnh. Bên cạnh đó, sinh viên có khả năng hợp tác với các nhân viên y tế khác trong quá trình chăm sóc, cũng như nhận biết và xử lý linh hoạt, nhanh nhạy một số tình huống cấp cứu có thể xảy ra.

### **29. Giáo dục sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng – 2(1.1)**

Học phần học trước: Tâm lý y đức – Y học.

Học phần giáo dục sức khỏe gồm những kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp, nội dung, phương tiện, các kỹ năng giáo dục sức khỏe, vai trò của người Điều dưỡng trong việc nâng cao sức khỏe và thể trạng của cá nhân, gia đình và cộng đồng; lựa chọn những phương pháp, phương tiện và kỹ năng truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng.

### **30. Đánh giá sức khỏe trong Điều dưỡng – 2(1.1)**

Học phần học trước: Sinh lý bệnh - Miễn dịch; Điều dưỡng cơ sở 1.

Học phần này nhằm giới thiệu cho sinh viên kiến thức cơ bản về quy trình thăm khám thể chất thường gặp. Qua học phần này, sinh viên sẽ phát triển được những kỹ năng thăm khám cần thiết để nhận định nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người bệnh đồng thời đưa ra chẩn đoán và can thiệp Điều dưỡng phù hợp, kịp thời để đảm bảo an toàn cho người bệnh. Ngoài ra, học phần này còn sinh viên có kế hoạch nâng cao sức khỏe cho người bệnh bằng cách hướng dẫn người bệnh phát hiện sớm các triệu chứng.

### **31. Định hướng ngành - Học thuyết Điều dưỡng – 2(1.1)**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về lịch sử ngành Điều dưỡng, các khái niệm, các học thuyết về Điều dưỡng và định hướng phát triển ngành Điều dưỡng, quy trình Điều dưỡng, vai trò, chức năng, năng lực, và các phẩm chất đạo đức người Điều dưỡng. Sinh viên được trang bị những kiến thức nền tảng về việc tăng cường sức khỏe trong suốt chu kỳ sống của con người bao gồm vai trò tự chăm sóc sức khỏe và thực hành chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người bệnh, vận dụng được các khái niệm và học thuyết Điều dưỡng trong chăm sóc hướng tới dự phòng.

### **32. Điều dưỡng cơ sở 1 – 4(2.2)**

Học phần học trước: Giải phẫu; Sinh lý.

Học phần giới thiệu cho sinh viên các nguyên tắc Điều dưỡng làm nền tảng cho thực hành lâm sàng trong tương lai, bao gồm các khái niệm và hành vi trong hoạt động chăm sóc toàn diện của môi Trường y tế. Nhấn mạnh các khái niệm lý thuyết và thực hành về các kỹ năng Điều dưỡng cần thiết để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, người bệnh, gia

đình và cộng đồng, đặc biệt là bước đầu ứng dụng quy trình Điều dưỡng trong chăm sóc. Thực tập cơ sở tại Lab mô phỏng sẽ cung cấp kinh nghiệm thực tế trong việc áp dụng các nguyên tắc và kỹ năng được giảng dạy trong phần lý thuyết của học phần này.

### **33. Điều dưỡng cơ sở 2 – 4(0.4)**

Học phần học trước: Điều dưỡng cơ sở 1.

Học phần giới thiệu cho sinh viên các nguyên tắc Điều dưỡng làm nền tảng cho thực hành lâm sàng trong tương lai, bao gồm các khái niệm và hành vi trong hoạt động chăm sóc toàn diện của môi Trường y tế. Nhấn mạnh các khái niệm lý thuyết và thực hành các kỹ năng Điều dưỡng cần thiết để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, người bệnh có các vấn đề ở hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, đặc biệt là ứng dụng quy trình Điều dưỡng trong chăm sóc. Thực tập cơ sở tại Lab mô phỏng, thực tập lâm sàng tại bệnh viện và kỳ thi lâm sàng theo cấu trúc khách quan (OSCE) sẽ cung cấp kinh nghiệm thực tế trong việc áp dụng các nguyên tắc và kỹ năng được giảng dạy trong học phần này.

### **34. Kiểm soát nhiễm khuẩn – 2(1.1)**

Học phần học trước: Giải phẫu; Vi sinh – Ký sinh; Sinh lý bệnh – Miễn dịch; Dược lý; Điều dưỡng cơ sở 1.

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kiểm soát nhiễm khuẩn và dịch tễ học bệnh viện, các kiến thức về miễn dịch, vi sinh liên quan đến kiểm soát nhiễm khuẩn, sự an toàn của người bệnh trong môi Trường bệnh viện, các nhiễm khuẩn mắc phải trong bệnh viện, các qui trình kiểm soát nhiễm khuẩn, sử dụng bằng chứng liên quan đến kiểm soát nhiễm khuẩn và vai trò nhiệm vụ của người Điều dưỡng trong kiểm soát nhiễm khuẩn. Học phần này sẽ được học vào học kì I, năm thứ 3.

### **35. Lãnh đạo và Quản lý Điều dưỡng – 2(2.0)**

Học phần học trước: Điều dưỡng cơ sở 1; Điều dưỡng cơ sở 2.

Học phần này nhằm phát triển khả năng quản lý trong công tác chăm sóc người bệnh của người Điều dưỡng. Sau khi học xong học phần này, sinh viên phân biệt được chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng các cấp, các thông tư của Bộ Y tế. Ngoài ra, sinh viên nắm vững được các quy trình giải quyết vấn đề và lập được kế hoạch giải quyết vấn đề liên quan đến công tác Điều dưỡng.

### **36. Chăm sóc sức khỏe trẻ em – 2(1.1)**

Học phần học trước: Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm và người lớn có bệnh Nội khoa; Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa.

Học phần được xây dựng dựa trên kiến thức của Điều dưỡng một cách tổng quan về nhi khoa. Giúp cho sinh viên nắm vững được sự phát triển của trẻ từ sau khi lọt lòng mẹ đến tuổi vị thành niên. Ngoài ra sinh viên còn tích lũy được những kiến thức cơ bản trong việc nuôi dưỡng trẻ theo từng giai đoạn phát triển, có khả năng nhận định và thực hiện quy trình Điều dưỡng một số bệnh thường gặp, bệnh cấp tính và một số dị tật bẩm sinh ở trẻ

phải dựa trên chứng cứ, tình trạng lâm sàng và các nhu cầu chăm sóc sức khỏe của trẻ và gia đình. Từ đó, sinh viên có kiến thức, kỹ năng cơ bản về chăm sóc Điều dưỡng cho trẻ em, phát triển kỹ năng trong chăm sóc, phối hợp, quản lý trẻ khỏe mạnh và trẻ bệnh nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, đảm bảo an toàn cho trẻ em tại các cơ sở khám và chữa bệnh.

### **37. Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, trẻ sơ sinh – 2(1.1)**

Học phần Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, trẻ sơ sinh là học phần chuyên ngành bắt buộc. Sinh viên được học vào năm thứ 3 học kỳ 5.

Học phần này cung cấp tóm tắt kiến thức sản khoa cơ bản để người học có thể nắm bắt một số nội dung chính từ khi mang thai đến theo dõi chuyển dạ - đẻ an toàn, chăm sóc thiết yếu trẻ sơ sinh và chăm sóc sau đẻ. Từ đó, người học biết kỹ thuật hỗ trợ giảm đau/vô cảm và theo dõi cho sản phụ từ quá trình học tập cho đến khi thực hành nghề nghiệp.

### **38. Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực – 2(2.0)**

Học phần học trước: Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm và người lớn có bệnh Nội khoa; Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa.

Học phần được xây dựng dựa trên kiến thức của Điều dưỡng một cách tổng quan về Hồi sức Cấp cứu, giúp cho sinh viên hiểu được kiến thức về bệnh học và chăm sóc các bệnh Hồi sức Cấp cứu thường gặp. Sinh viên có khả năng nhận biết và xử lý linh hoạt một số tình huống cấp cứu có thể xảy ra trên người bệnh đang trong tình trạng nguy kịch, thực hiện quy trình Điều dưỡng một số bệnh Hồi sức Cấp cứu thường gặp. Từ đó, sinh viên sẽ phát triển kỹ năng trong chăm sóc, phối hợp, quản lý người bệnh Hồi sức cấp cứu thường gặp nhằm nâng cao chất lượng và an toàn trong chăm sóc cho người bệnh.

### **39. Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa – 2(2.0)**

Học phần học trước: Điều dưỡng cơ sở 1.

Học phần được xây dựng dựa trên kiến thức của Điều dưỡng một cách tổng quan về ngoại khoa, giúp sinh viên hiểu được kiến thức về bệnh học và chăm sóc các bệnh ngoại khoa thường gặp. Ngoài ra, sinh viên có khả năng nhận định và thực hiện quy trình Điều dưỡng một số bệnh ngoại khoa thường gặp. Từ đó, sinh viên sẽ phát triển kỹ năng trong chăm sóc, phối hợp, quản lý người khỏe mạnh và người có bệnh lý ngoại khoa thường gặp nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc cho người bệnh.

### **40. Giải phẫu sinh lý liên quan Gây mê Hồi sức – 2(2.0)**

Học phần học trước: Giải phẫu; Sinh lý.

Nội dung học phần trang bị kiến thức giải phẫu và sinh lý liên quan đến Gây mê Hồi sức của hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, gan thận, thần kinh, sinh lý đau cũng những thay đổi của cơ thể khi tiến hành Gây mê Hồi sức. Từ đó người học nhận định được những ảnh hưởng của Gây mê Hồi sức với người bệnh, áp dụng những kiến thức đó trong các học phần tiếp theo về chuyên ngành Gây mê Hồi sức.

#### **41. Dược lâm sàng liên quan Gây mê Hồi sức – 2(2.0)**

Học phần học trước: Dược lý; Sinh lý.

Học phần này trang bị cho người học kiến thức về một số thuốc dùng trong Gây mê Hồi sức, ngoài ra trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về dược động học, dược lực học, những ứng dụng lâm sàng, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng, cách dùng của các thuốc thường dùng trong chuyên ngành Gây mê Hồi sức. Từ đó áp dụng được các kiến thức về dược lâm sàng trong chuyên ngành Gây mê Hồi sức để xử trí các tai biến, biến chứng xảy ra.

#### **42. Kỹ thuật Gây mê Hồi sức – 3(3.0)**

Học phần học trước: Giải phẫu sinh lý chuyên ngành Gây mê Hồi sức; Dược lâm sàng liên quan Gây mê Hồi sức.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cấu tạo, cách sử dụng, bảo quản các phương tiện, trang thiết bị máy móc thường dùng trong Gây mê Hồi sức. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nguyên tắc và quy trình vô khuẩn, khử khuẩn trong khoa Gây mê Hồi sức, hướng dẫn cho người học quy trình chuẩn bị người bệnh trước mổ, cách thức thực hiện các kỹ thuật trong gây mê hồi sức.

#### **43. Gây mê cơ bản – 2(2.0)**

Học phần học trước: Giải phẫu sinh lý chuyên ngành Gây mê Hồi sức; Dược lâm sàng liên quan Gây mê Hồi sức.

Nội dung học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản trong thăm khám nhận định người bệnh, chuẩn bị trước gây mê, kiến thức về các phương pháp gây mê cơ bản, các nội dung theo dõi trong Gây mê Hồi sức cho người bệnh, một số tai biến thường gặp trong gây mê và xử lý, hiểu và trình bày được các chỉ định, chống chỉ định và so sánh được các ưu khuyết điểm của từng phương pháp gây mê.

#### **44. Gây tê cơ bản – 2(2.0)**

Học phần học trước: Giải phẫu sinh lý chuyên ngành Gây mê Hồi sức; Dược lâm sàng liên quan Gây mê Hồi sức.

Nội dung học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản trong gây tê, mô tả quy trình thực hiện, chuẩn bị gây tê. các tai biến biến chứng thường gặp trong gây tê và xử trí. Hiểu và trình bày được các chỉ định, chống chỉ định và so sánh được các ưu khuyết điểm của từng phương pháp gây tê.

#### **45. Gây mê Hồi sức chuyên khoa bệnh lý 1 – 2(2.0)**

Học phần học trước: Kỹ thuật Gây mê Hồi sức; Gây mê cơ bản; Gây tê cơ bản.

Nội dung học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu, những chỉ định, chống chỉ định về gây mê hồi sức trong phẫu thuật chuyên khoa như sản khoa, nhi khoa và trên bệnh nhân có bệnh lý nền bệnh lý nội khoa như đái tháo đường, hen suyễn,

bệnh lý tim mạch. Liệt kê những tai biến, biến chứng xảy ra khi Gây mê Hồi sức cho những người bệnh trên và cách xử trí.

#### **46. Gây mê Hồi sức chuyên khoa bệnh lý 2 – 2(2.0)**

Học phần học trước: Kỹ thuật Gây mê Hồi sức; Gây mê cơ bản; Gây tê cơ bản.

Nội dung học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu, những chỉ định, chống chỉ định về gây mê hồi sức trong phẫu thuật ở các chuyên khoa như ngoại tổng quát, ngoại chỉnh hình, ngoại thần kinh, ngoại tiết niệu. Liệt kê những tai biến, biến chứng xảy ra khi Gây mê Hồi sức cho những người bệnh trên và cách xử trí.

#### **47. Hồi sức và Chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật - 4(2.2)**

Học phần học trước: Kỹ thuật Gây mê Hồi sức; Gây mê cơ bản; Gây tê cơ bản.

Học phần cung cấp những kiến thức quan trọng trong hồi sức và cấp cứu cho người bệnh khi gây mê phẫu thuật. Ngoài ra còn cung cấp kiến thức cho sinh viên về chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật. Từ đó có những kỹ năng cơ bản về hồi sức và chăm sóc cho người bệnh sau phẫu thuật như cấp cứu ngưng tuần hoàn, vận hành sử dụng các trang thiết bị tại phòng hồi tỉnh.

#### **48. Thực hành Kỹ thuật Gây mê Hồi sức – 4(0.4)**

Học phần học trước: Giải phẫu sinh lý chuyên ngành Gây mê Hồi sức; Dược lâm sàng liên quan Gây mê Hồi sức.

Học phần được xây dựng dựa trên những kiến thức đã trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cấu tạo, cách sử dụng, bảo quản các phương tiện, trang thiết bị máy móc thường dùng trong Gây mê Hồi sức. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nguyên tắc và quy trình vô khuẩn, khử khuẩn trong khoa Gây mê Hồi sức, hướng dẫn cho người học quy trình chuẩn bị người bệnh trước mổ, cách thức thực hiện các kỹ thuật trong gây mê hồi sức. Từ đó áp dụng được những kiến thức này trong thực hành lâm sàng.

#### **49. Thực hành Gây mê cơ bản – 2(0.2)**

Học phần học trước: Giải phẫu sinh lý chuyên ngành Gây mê Hồi sức; Dược lâm sàng liên quan Gây mê Hồi sức.

Nội dung học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản trong thăm khám nhận định người bệnh, chuẩn bị trước gây mê, kiến thức về các phương pháp gây mê cơ bản, các nội dung theo dõi trong Gây mê Hồi sức cho người bệnh, một số tai biến thường gặp trong gây mê và xử lý, hiểu và trình bày được các chỉ định, chống chỉ định và so sánh được các ưu khuyết điểm của từng phương pháp gây mê. Từ đó áp dụng được những kiến thức này trong thực hành lâm sàng.

#### **50. Thực hành Gây tê cơ bản – 2(0.2)**

Học phần học trước: Giải phẫu sinh lý chuyên ngành Gây mê Hồi sức; Dược lâm sàng liên quan Gây mê Hồi sức.

Nội dung học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản trong gây tê, mô tả quy trình thực hiện, chuẩn bị gây tê. các tai biến biến chứng thường gặp trong gây tê và xử trí. Hiểu và trình bày được các chỉ định, chống chỉ định và so sánh được các ưu khuyết điểm của từng phương pháp gây tê. Từ đó áp dụng được những kiến thức này trong thực hành lâm sàng.

#### **51. Thực hành Gây mê Hồi sức chuyên khoa bệnh lý – 4(0.4)**

Học phần học trước: Kỹ thuật Gây mê Hồi sức; Gây mê cơ bản; Gây tê cơ bản.

Nội dung học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu, những chỉ định, chống chỉ định về gây mê hồi sức trong phẫu thuật chuyên khoa như sản khoa, nhi khoa và trên bệnh nhân có bệnh lý nền bệnh lý nội khoa như đái tháo đường, hen suyễn, bệnh lý tim mạch. Liệt kê những tai biến, biến chứng xảy ra khi Gây mê Hồi sức cho những người bệnh trên và cách xử trí. Từ đó áp dụng được những kiến thức này trong thực hành lâm sàng.

#### **52. Thực tập Gây mê Hồi sức trong phẫu thuật Ngoại tiết niệu – 2(0.2)**

Học phần học trước: Gây mê Hồi sức chuyên khoa bệnh lý 1; Gây mê Hồi sức chuyên khoa bệnh lý 2.

Nội dung học phần trang bị cho người học những kỹ năng gây mê hồi sức trong phẫu thuật chuyên khoa về ngoại tiết niệu. Hiểu và trình bày được những chỉ định, chống chỉ định, áp dụng, phối hợp xử trí những tai biến, biến chứng xảy ra khi Gây mê Hồi sức cho những người bệnh trên.

#### **53. Thực tập Gây mê Hồi sức trong phẫu thuật Chấn thương chỉnh hình - Ngoại thần kinh – 2(0.2)**

Học phần học trước: Gây mê Hồi sức chuyên khoa bệnh lý 1; Gây mê Hồi sức chuyên khoa bệnh lý 2.

Nội dung học phần trang bị cho người học những kỹ năng gây mê hồi sức trong phẫu thuật chuyên khoa về chấn thương chỉnh hình, ngoại thần kinh. Hiểu và trình bày được những chỉ định, chống chỉ định, áp dụng, phối hợp xử trí những tai biến, biến chứng xảy ra khi Gây mê Hồi sức cho những người bệnh trên.

#### **54. Thực tập Gây mê Hồi sức trong phẫu thuật Sản phụ khoa – Nhi khoa – 2(0.2)**

Học phần học trước: Gây mê Hồi sức chuyên khoa bệnh lý 1; Gây mê Hồi sức chuyên khoa bệnh lý 2.

Nội dung học phần trang bị cho người học những kỹ năng gây mê hồi sức trong phẫu thuật chuyên khoa về sản phụ khoa, nhi khoa. Hiểu và trình bày được những chỉ định, chống chỉ định, áp dụng, phối hợp xử trí những tai biến, biến chứng xảy ra khi Gây mê Hồi sức cho những người bệnh trên.

### **55. Khóa luận tốt nghiệp - 8(8.0)**

Học phần học trước: các học phần chuyên ngành.

Điều kiện tiên quyết: Tại thời điểm công bố danh sách chính thức viết Khóa luận tốt nghiệp, sinh viên phải tích lũy đầy đủ số tín chỉ của chương trình đào tạo theo quy định, phải có điểm trung bình chung tích lũy xếp loại từ khá trở lên; tỷ lệ sinh viên viết khóa luận tốt nghiệp không quá 10% hoặc theo quyết định cụ thể theo từng năm học. Ngoài ra, sinh viên không vi phạm nghĩa vụ nộp học phí, không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên, không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng và phương pháp nghiên cứu khoa học, sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực Điều dưỡng.

### **56. Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp - 8(4.4)**

Học phần học trước: các học phần chuyên ngành.

Áp dụng cho sinh viên không thực hiện Khóa luận tốt nghiệp hoặc sinh viên không đăng ký làm khóa luận thì phải học học phần này. Bao gồm:

#### **56.1. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp 1 (Gây mê Hồi sức theo chuyên đề) - 4(4.0)**

Học phần nhằm tạo điều kiện cho sinh viên tìm hiểu những nghiên cứu mới trong Gây mê Hồi sức theo từng chuyên đề về gây mê toàn diện, gây tê vùng, giảm đau sau phẫu thuật và hồi sức cấp cứu. Phân tích những nghiên cứu, so sánh những phương pháp vô cảm mới. Áp dụng những nghiên cứu trong thực hành lâm sàng.

#### **56.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp 2 (Thực hành Gây mê Hồi sức theo chuyên đề) - 4(0.4)**

Học phần được xây dựng dựa trên sự tìm hiểu những nghiên cứu mới trong Gây mê Hồi sức theo từng chuyên đề về gây mê toàn diện, gây tê vùng, giảm đau sau phẫu thuật và hồi sức cấp cứu của sinh viên. Giúp sinh viên tìm hiểu và phân tích những thuận lợi và khó khăn khi áp dụng các nghiên cứu mới trên thực hành lâm sàng. Hoàn thiện trau dồi những kỹ năng thực hành các kỹ thuật Gây mê Hồi sức.

### **57. Thực tế tốt nghiệp – 4(0.4)**

Học phần học trước: các học phần chuyên ngành.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức kỹ năng để thực hành chuyên nghiệp về Gây mê Hồi sức như thể một nhân viên. Hiểu và trình bày rõ các kiến thức cơ bản và chuyên sâu trong công việc của Điều dưỡng Gây mê Hồi sức. Chuẩn bị được trang thiết bị, thực hiện được các kỹ thuật Gây mê Hồi sức, thiết lập kế hoạch Gây mê Hồi sức trên người bệnh, xử trí những tai biến, biến chứng xảy ra, quản lý được hồ sơ bệnh án khi người bệnh gây mê phẫu thuật. Tác phong chuyên nghiệp, có thể đảm đương vị trí Điều dưỡng Gây mê Hồi sức khi ra trường.



**B. MA TRẬN ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
THEO KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA BẠC ĐẠI HỌC**

TT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức TCTN			
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	6	1	2	3	4
<b>PLO 1</b>		X						X				X			
<b>PLO 2</b>		X				X					X				
<b>PLO 3</b>			X			X									
<b>PLO 4</b>	X	X										X			
<b>PLO 5</b>	X	X				X		X		X		X			X
<b>PLO 6</b>	X							X	X			X	X		
<b>PLO 7</b>	X	X	X	X		X	X	X	X		X	X			X
<b>PLO 8</b>			X	X	X			X	X	X			X		X
<b>PLO 9</b>	X					X		X			X	X			
<b>PLO 10</b>	X	X		X		X		X	X	X		X	X	X	X
<b>PLO 11</b>	X	X				X		X	X	X		X	X	X	
<b>PLO 12</b>	X					X			X	X		X		X	

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và chịu trách nhiệm
<p><b>KT1:</b> Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo</p> <p><b>KT2:</b> Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật</p> <p><b>KT3:</b> Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc</p> <p><b>KT4:</b> Kiến thức về lập kế hoạch tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể</p> <p><b>KT5:</b> Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.</p>	<p><b>KN1:</b> Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp</p> <p><b>KN2:</b> Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p> <p><b>KN3:</b> Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi Trường không xác định hoặc thay đổi.</p> <p><b>KN4:</b> Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm</p> <p><b>KN5:</b> Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp</p> <p><b>KN6:</b> Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.</p>	<p><b>TCTN1:</b> Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm</p> <p><b>TCTN2:</b> Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định</p> <p><b>TCTN3:</b> Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân</p> <p><b>TCTN4:</b> Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả hoạt động.</p>

## C. MÔ TẢ CÁC PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Dạy học dựa trên vấn đề:** là một quy trình dạy - học được bắt đầu bằng một vấn đề (đã xảy ra trong thực tế hoặc mô phỏng giống như thực tế) và dựa vào vấn đề để phát hiện những thông tin cần có (cần học) để có thể hiểu rõ và giải quyết được vấn đề đó. Như vậy, thông qua việc giải quyết vấn đề, học viên xác định được mục tiêu học tập, học được những điều liên quan hay nói cách khác học viên đã học được những điều bổ ích thực sự cho công việc sau này của họ.

**Dạy học dựa trên mô phỏng:** là phương pháp tiếp cận nhận thức thế giới thực thông qua mô hình tĩnh hoặc động. Bằng phương pháp mô phỏng, sinh viên không chỉ tiếp thu kiến thức một cách sâu sắc mà trong quá trình học họ còn có thể tìm ra cách tiếp cận vấn đề, con đường cách thức để đạt mục tiêu bài học. Đặc biệt sinh viên còn có thể tạo dựng và điều khiển tại chỗ các đối tượng theo ý muốn. Tim tòi phát hiện một số quan niệm mới cũng như rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

**Phương pháp thuyết giảng có lồng ghép dạy học tích cực:** Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên có trách nhiệm nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt. Đồng thời sinh viên cũng trình bày quan điểm của bản thân hoặc đại diện cho nhóm để đưa ra các nội dung cần thảo luận trước tập thể. Giảng viên kết hợp sử dụng các phương pháp dạy chủ động như động não, suy nghĩ – từng cặp – chia sẻ,...

**Đóng vai:** là phương pháp dạy - học chủ động, sinh động tạo điều kiện cho sinh viên bộc lộ ưu và các nhược điểm để sửa chữa, khắc phục hay phát huy thêm. Qua đóng vai sinh viên ứng dụng lý thuyết, nguyên tắc đã học vào thực tế sinh động đa dạng. Đóng vai cũng tạo điều kiện để sinh viên thảo luận những vấn đề chủ động do thực tế đề xuất, đồng thời khắc phục những khó khăn thiếu sót.

**Phương pháp dạy học thực hành:** là phương pháp giảng dạy trên cơ sở sự quan sát giảng viên làm mẫu và thực hiện tự lực của sinh viên dưới sự hướng dẫn của giảng viên nhằm hoàn thành các bài tập, các công việc thuộc chuyên ngành, từ đó hình thành các kỹ năng, kỹ xảo mà sinh viên sẽ phải thực hiện trong hoạt động nghề nghiệp sau này. Thêm vào đó, phương pháp dạy học thực hành còn giúp sinh viên củng cố tri thức chuyên ngành, xây dựng phẩm chất, tác phong công nghiệp và phát triển năng lực tư duy để có đủ khả năng xử lý các tình huống nghề nghiệp trong thực tế cuộc sống.

**Thảo luận nhóm:** thảo luận nhóm là phương pháp dạy học, trong đó giáo viên chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ. Các thành viên trong nhóm đều phải làm việc, trao đổi từ đó đưa ra ý kiến chung của cả nhóm về vấn đề được giao.

**Trình diễn làm mẫu và thực hành lại:** làm mẫu và thực hành lại là phương pháp giảng viên dùng lời diễn giải và làm mẫu các bước của một nhiệm vụ hoặc thủ thuật, sau

đó học viên trình bày và thực hiện lại các bước dưới sự hướng dẫn của giảng viên và sự quan sát của các học viên khác.

**Dạy học dựa trên tình huống:** là một phương pháp dạy học được tổ chức theo những tình huống có thực của cuộc sống, trong đó người học kiến tạo tri thức qua việc giải quyết các vấn đề có tính xã hội của việc học tập.

**Phương pháp tự học:** tự học là quá trình chủ động, tích cực, độc lập tìm hiểu, lĩnh hội tri thức và hình thành kỹ năng cho mình. Tự học là tự mình tìm hiểu nghiên cứu, thu nhặt các kiến thức tự luyện tập để có kỹ năng. Tự học có thể không cần sự hướng dẫn của người khác.

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH**